

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN  
HÀ GIANG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

C  
U  
V

S.D.K.  
T.K.V.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

D: 510  
CỘ  
CỘ  
CỘ  
KHOA  
HÀ  
GIANG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ma Ngọc Tiên	Chủ tịch	
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên	
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên	
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên	
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 31/03/2009)
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 31/03/2009)

#### BAN GIÁM ĐỐC

Ông Ma Ngọc Tiên	Giám đốc	(thôi giữ chức vụ Giám đốc từ ngày 01/09/2009)
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc	(được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc từ ngày 01/09/2009)
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc	(được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 01/11/2009)
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
  
Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Hà Giang, ngày 05 tháng 3 năm 2010

03  
N  
HI  
O  
T  
10178  
GT  
PH  
HI  
NG  
S  
H  
T.H

Số: 72 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Hạn chế phạm vi kiểm toán

Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc) đã hết hạn hoạt động vào tháng 5/2009. Theo Biên bản làm việc ngày 4/8/2009, hai bên đã quyết định chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Hà Vân và đang trong quá trình tiến hành các công việc liên quan đến việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Tại báo cáo này, toàn bộ lỗ kết quả hoạt động kinh doanh 12 tháng năm 2009 của Xí nghiệp Hà Vân đã được Công ty tạm thực hiện phân chia cho hai bên theo tỷ lệ tương ứng là 30% và 70%. Tuy nhiên, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với phía Trung Quốc để thống nhất chi phí chung chưa được quyết toán. Trong trường hợp các khoản chi phí chung này được hai bên chấp thuận sẽ làm tăng thêm lỗ kinh doanh năm 2009 của Xí nghiệp Hà Vân. Theo đó, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét số lỗ kinh doanh năm 2009 của Xí nghiệp Hà Vân cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa xác định được giá trị thanh lý của các tài sản thuộc Xí nghiệp Hà Vân. Do chưa xác định được lãi/(lỗ) hoạt động thanh lý Xí nghiệp Hà Vân nên giá trị thu hồi sau khi thanh lý Xí nghiệp Hà Vân có thể không đủ bù đắp được cho các khoản chi phí Công ty đã chi cho Xí nghiệp Hà Vân (đang trình bày trên khoản mục "Phải thu khác" trên báo cáo tài chính). Theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị thuần của các tài sản thuộc Xí nghiệp Hà Vân cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

### Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

### Ý kiến ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý rằng, về các chỉ tiêu còn số dư trong phần "Tài sản" trên báo cáo tài chính của Công ty (liên quan đến Xi nghiệp Hà Vân) thực chất là các khoản chi phí đã phát sinh nhưng chưa được kết chuyển vào chi phí cuối kỳ. Công ty đã tổng hợp toàn bộ các số dư này trên các tài khoản liên quan và trình bày chi tiết trong mục "Các khoản phải thu khác" trên báo cáo tài chính của Công ty (xem chi tiết Thuyết minh số 09 phần "Thuyết minh báo cáo tài chính").

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 1.100.920.311 đồng và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.



Trương Anh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số Đ.0029/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Minh Hùng  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 0294/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>97.656.984.378</b>	<b>103.933.162.705</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>50.343.095.520</b>	<b>20.113.562.988</b>
1. Tiền	111		5.253.660.770	20.113.562.988
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.089.434.750	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>46.373.815.166</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	46.373.815.166
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.615.152.037</b>	<b>29.321.782.395</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.750.195.537	21.342.243.970
2. Trả trước cho người bán	132		594.118.962	1.129.056.359
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>9</b>	9.637.306.371	7.678.593.003
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(366.468.833)	(828.110.937)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>9.454.952.168</b>	<b>7.809.913.321</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.454.952.168	7.809.913.321
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>243.784.653</b>	<b>314.088.835</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.411.429
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	157.011.293
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		243.784.653	152.666.113
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>8.443.644.206</b>	<b>9.092.640.697</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.349.663.976</b>	<b>8.135.517.436</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>10</b>	6.426.080.250	7.405.200.121
- Nguyên giá	222		18.097.268.338	17.304.125.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.671.188.088)	(9.898.925.678)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>11</b>	328.669.401	730.317.315
- Nguyên giá	228		2.814.724.401	2.752.996.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.486.055.000)	(2.022.678.691)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		594.914.325	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>532.823.200</b>	<b>522.823.200</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		532.823.200	522.823.200
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>561.157.030</b>	<b>434.300.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		385.550.777	268.883.864
2. Tài sản dài hạn khác	268		175.606.253	165.416.197
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>106.100.628.584</b>	<b>113.025.803.402</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008 (đã điều chỉnh lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>15.482.642.495</b>	<b>38.145.050.909</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.182.924.523</b>	<b>37.970.863.397</b>
1. Phải trả người bán	312		5.248.420.670	6.827.306.798
2. Người mua trả tiền trước	313		27.000.000	2.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.173.208.144	2.853.005.500
4. Phải trả người lao động	315		930.616.700	1.030.727.631
5. Chi phí phải trả	316		1.357.004.902	320.622.650
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	5.446.674.107	26.937.200.818
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>299.717.972</b>	<b>174.187.512</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		290.717.972	165.187.512
<b>B. NGUỒN VỐN (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>90.617.986.089</b>	<b>74.880.752.493</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>86.616.751.985</b>	<b>71.557.107.529</b>
1. Vốn điều lệ	411	14	60.000.000.000	10.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	14	-	4.934.577.130
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	14	7.274.063.899	36.860.205.333
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	14	4.706.929.283	2.500.000.000
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	14	1.103.464.642	1.328.815.077
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14	13.532.294.161	15.933.509.989
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.001.234.104</b>	<b>3.323.644.964</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		4.001.234.104	3.323.644.964
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>106.100.628.584</b>	<b>113.025.803.402</b>



Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2010

Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
				(đã điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	16	52.169.303.780	56.325.460.433
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		71.656.084	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)	10		52.097.647.696	56.325.460.433
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	29.075.131.334	32.027.367.711
5. Lợi nhuận về bán hàng (20 = 10-11)	20		23.022.516.362	24.298.092.722
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.300.437.208	5.521.703.815
7. Chi phí tài chính	22		62.692.622	119.002.586
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	18.451.872
8. Chi phí bán hàng	24		915.772.914	526.434.112
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.951.607.147	4.568.958.754
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		24.392.880.887	24.605.401.085
11. Thu nhập khác	31	19	169.326.359	1.081.799.612
12. Chi phí khác	32		-	162.900.698
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		169.326.359	918.898.914
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		24.562.207.246	25.524.299.999
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.564.006.100	1.037.795.412
16. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50-51)	60		22.998.201.146	24.486.504.587
17. Lãi trên cổ phiếu	70	15	6.853	24.487



Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2010.

Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009


MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lãi trước thuế	01	24.562.207.246	25.524.299.999
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.235.638.719	3.989.042.513
- Các khoản dự phòng	03	(609.870.992)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.100.920.311)	(2.182.630.450)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.728.266.077)	(2.593.173.076)
- Chi phí lãi vay	06	-	18.451.872
3. <b>động</b>	<b>08</b>	<b>22.358.788.585</b>	<b>24.755.990.858</b>
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(4.138.812.972)	(492.625.587)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(1.678.115.590)	(3.903.881.922)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(25.004.541.211)	8.011.389.605
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(116.666.913)	377.602.071
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(18.451.872)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.037.795.412)	(157.011.293)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.500.000	58.236.600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.599.426.000)	(4.823.452.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(12.215.069.513)</b>	<b>23.807.795.860</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(65.771.556)	(2.857.613.937)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	77.166.667
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.061.041.793)	(59.080.600.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	96.482.651.959	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.286.961.324	2.569.988.492
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>46.632.799.934</b>	<b>(44.791.058.778)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(794.200.000)
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.241.323.200)	(4.986.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.241.323.200)</b>	<b>(5.780.600.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>30.176.407.221</b>	<b>(26.763.862.918)</b>
<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>20.113.562.988</b>	<b>46.721.391.061</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	53.125.311	156.034.845
<b>Tiền tồn cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>50.343.095.520</b>	<b>20.113.562.988</b>



Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2010

  
Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

